

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/KDTM-ST

Ngày: 28/02/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vận chuyển hàng hóa*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Công Ny

2. Bà Hồ Thị Kim Luyện

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa:** Bà Lê Hoàng Dung - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2019/TLST-KDTM ngày 04/12/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 857/2021/QĐXXST-KD ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Du lịch – Thương mại S

Địa chỉ: 17 đường A, khu phố 6, phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim Th

Bị đơn: Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận H

Địa chỉ: 12/16 T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái Hữu H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận M

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Vĩnh P

2. Ông Lương Vĩnh P

Địa chỉ: 69 Đ, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Ông Nguyễn Văn Ph

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

(*Đại diện nguyên đơn có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà có quen biết với ông Nguyễn Văn Ph, ông Ph tự giới thiệu là đại diện của Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận H (gọi tắt là Công ty H). Ngày 01/12/2015, Công ty TNHH Du lịch – Thương mại S (gọi tắt là Công ty S) và Công ty Vận tải và tiếp vận H ký hợp đồng vận chuyển số 10/HĐKT-2015 theo đó Công ty S vận chuyển container từ các kho ra các cảng Sài Gòn và sẽ thanh toán chuyển khoản sau 15 ngày. Tuy nhiên, chỉ 2 tháng đầu Công ty H thanh toán đầy đủ cho Công ty S, các tháng sau trễ dần và nợ đến 5 tháng tiền cước với tổng số tiền 262.656.900đồng. Sau nhiều lần yêu cầu thanh toán thì Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận M (gọi tắt là Công ty M) đồng ý ký hợp đồng với Công ty S để trừ tiền cho Công ty H. Nhưng Công ty M mới chỉ chạy được cho Công ty S được 02 tháng với số tiền 40.000.000đồng và ngưng cho đến nay. Số tiền cước vận chuyển Công ty H còn nợ Công ty S là 209.000.000đồng. Sau nhiều lần nhắc nhở Công ty H không trả nợ nên Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty H và ông Lương Vĩnh P trả số tiền cước vận chuyển 5 tháng là 209.000.000đồng và tiền lãi phát sinh, tính đến thời điểm tháng 2/2019 tổng cộng là 298.000.000đồng với lý do ông P là kế toán của Công ty H, ông P đã chuyển số tiền của Công ty S cho ông Ph.

Tại buổi làm việc ngày 07/10/2020, đại diện Công ty S xác định khởi kiện yêu cầu Công ty H có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho Công ty S, không yêu cầu cá nhân ông Lương Vĩnh P có trách nhiệm trả nợ. Ngoài ra, Công ty S không có yêu cầu gì khác.

Đại diện bị đơn – Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận H là ông Thái Hữu H trình bày:

Khoảng năm 2015, ông Nguyễn Văn Ph (có quan hệ bạn bè) có nhờ Công ty H đứng ra ký hợp đồng vận chuyển với Công ty S và phía Công ty H đồng ý, có ký hợp đồng và xuất hóa đơn hợp lệ. Tiền cước vận chuyển thu về từ chỗ ông Ph đều được chuyển trả lại cho ông Ph và Công ty S. Khoảng năm 2016, ông Ph không thanh toán cho Công ty S nên bà Thoa là đại diện Công ty S có đến văn phòng Công ty H và có gặp ông Ph ở đó. Các bên đều thống nhất phần công nợ này do ông Ph chịu trách nhiệm. Ông Ph có 01 xe đầu kéo nên nhờ Công ty H khai thác để lấy tiền thanh toán cho Công ty S nhưng khai thác không hiệu quả nên đã trả lại cho ông Ph. Sau đó, Công ty S có thỏa thuận với ông Ph và ông P để khai thác xe. Từ thời điểm này, công ty H không còn trách nhiệm hỗ trợ gì cho anh Ph khai thác xe.

Nay Công ty S yêu cầu Công ty H thanh toán công nợ thì Công ty không đồng ý vì Công ty H chỉ ký hợp đồng và xuất hóa đơn hộ, phía Công ty S cũng biết sự việc này. Tiền thu về công ty H đã chuyển trả cho ông Ph, các đơn vị khác trong đó có Công ty S. Trong thời gian ông Ph không còn khả năng thanh toán cho Công ty S thì công ty H đã thông báo cho các bên tự giải quyết.

Ông Lương Vĩnh P là đại diện pháp luật Công ty TNHH TM và Tiếp vận M đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Văn Ph là người làm ăn với Công ty S nhưng do cần phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng thì mới thanh toán được nên có nhờ Công ty H ký

hợp đồng thu hồi công nợ cho ông Ph và Công ty S sẽ xuất hóa đơn cho Công ty H. Sau đó, Công ty H có rút tiền mặt và đưa cho ông Ph, có để lại 1 ít để trả cho Công ty S. Sau khi Công ty S không thu hồi được nợ thì Công ty S yêu cầu Công ty H thanh toán nên ông Ph có thỏa thuận giao xe của ông Ph (do vợ ông Ph đứng tên) cho Công ty H khai thác để trừ vào nợ chuyển thanh toán cho Công ty S. Công ty H thỏa thuận với ông là đưa xe cho ông khai thác để lấy tiền chuyển thanh toán cho Công ty S là 20.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên, ông chỉ nhận xe và khai thác xe của ông Ph được 02 tháng và chuyển trả cho Công ty S được tổng số tiền 40.000.000đồng thì ông Ph lấy lại xe và bán xe.

Nay Công ty S yêu cầu ông trả nợ thì ông không đồng ý vì số nợ không phải của ông mà của Công ty H và ông Ph. Do phía Công ty S không tìm kiếm được ông Ph và Công ty H nên mới yêu cầu ông trả nợ. Ông xác định, đối với số tiền Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận M đã chuyển cho Công ty S thì Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận M không có yêu cầu gì và đồng ý cản trở vào số nợ của Công ty H.

Ông Nguyễn Văn Ph đã được Tòa án triệu tập họp lệ để giải quyết vụ kiện nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn trình bày tổng số tiền cước vận chuyển là 262.656.900đồng, đã xuất hóa đơn 3 tháng (hóa đơn ngày 31/5/2016 số tiền 88.924.900đồng, hóa đơn ngày 30/6/2016 số tiền 87.747.000đồng, hóa đơn ngày 30/7/2016 số tiền 24.035.000đồng), riêng tháng 8 và tháng 9 chưa xuất hóa đơn do yêu cầu của phía bị đơn với số tiền cước là 61.950.000đồng; bị đơn đã trả 3 lần tổng cộng 55.000.000đồng, cụ thể ngày 27/11/2017 trả 15.000.000đồng, ngày 12/02/2018 trả 20.000.000đồng, ngày 13/4/2018 trả 20.000.000đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn và ông Lương Vĩnh P trả cho nguyên đơn số tiền 207.656.900đồng và tiền lãi với mức lãi suất 15%/năm từ khi xuất hóa đơn cho đến khi thanh toán hết nợ vì ông P là người thực hiện thanh toán sai, khi bị đơn nhận được tiền cước vận chuyển không chuyển trả cho nguyên đơn mà chuyển cho ông Ph và các bên cũng có thỏa thuận ông P khai thác xe của ông Ph để trả nợ cho nguyên đơn.

Đồng thời đại diện nguyên đơn xác định số tiền dư nợ ghi trong Bảng dự kiến trả nợ của Công ty H gửi cho Công ty S là 209.092.775đồng là do phía ông P có thỏa thuận xin bớt một phần tiền để có kế hoạch trả nợ, nghĩ rằng phía Công ty H sẽ thanh toán nhanh số nợ nên bà đồng ý. Tuy nhiên, phía Công ty H không thực hiện nên Công ty S không đồng ý giảm mà đòi đủ số tiền cước còn nợ của 5 tháng là 262.656.900đồng và trừ đi 55.000.000đồng đã trả.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã

thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tổ tụng của mình. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện nghiêm túc theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn có ông Lương Vĩnh P là đại diện ký hợp đồng vận chuyển số 10 ngày 01/12/2015. Nguyên đơn cho rằng bị đơn nợ tiền cước vận chuyển là 209.092.775đồng nên khởi kiện yêu cầu trả số tiền này và tiền lãi nhưng tại phiên tòa phía nguyên đơn xác định tổng số tiền cước bị đơn nợ là 262.656.900đồng và đã trả được 55.000.000đồng nên yêu cầu đòi với số nợ gốc là 207.656.900đồng. Tuy nhiên, theo bảng kế hoạch trả nợ do nguyên đơn cung cấp thì số tiền cước còn là 209.092.775đồng, số tiền 55.000.000đồng chuyển trả sau khi ký bảng dự kiến trả nợ nên số tiền nợ gốc còn lại là 154.092.775đồng. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật. Đòi với việc nguyên đơn yêu cầu ông P có trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn là không phù hợp vì ông P ký hợp đồng với nguyên đơn với tư cách đại diện cho bị đơn, không phải tư cách cá nhân. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận H trả cho nguyên đơn số tiền 154.092.775đồng và tiền lãi với mức lãi suất 15%/năm từ ngày 18/01/2017 cho đến khi tất nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty TNHH Du lịch – Thương mại S khởi kiện Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận H về trách nhiệm thanh toán nợ theo hợp đồng vận chuyển hàng hóa đã ký kết giữa các bên nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa”. Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận H có trụ sở tại quận N, thành phố Cần Thơ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận H, ông Lương Vĩnh P, Công ty TNHH TM và tiếp vận M và ông Nguyễn Văn Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Các bên đương sự đều trình bày thống nhất giữa nguyên đơn, bị đơn có ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 10/HĐKT-2015 ngày 01/12/2015. Do chưa nhận được đầy đủ tiền cước vận chuyển nên nguyên đơn khởi kiện. Bị đơn cho rằng chỉ ký hợp đồng và xuất hóa đơn giùm cho ông Nguyễn Văn Ph, tiền cước vận chuyển nhận được bị đơn đã chuyển trả cho ông Ph và nguyên đơn nên không đồng ý thanh toán tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng đã ký thể hiện rõ bên A là Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận H, bên B là Công ty TNHH Du lịch – Thương mại S.

Các hóa đơn giá trị gia tăng bên B đều xuất cho bên A. Bị đơn và ông P cho rằng chỉ đứng ký hợp đồng giúp cho ông Nguyễn Văn Ph, tuy nhiên các bên đều không xuất trình được tài liệu, chứng cứ thể hiện thỏa thuận giữa Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận H, Công ty TNHH Du lịch – Thương mại S, ông Nguyễn Văn Ph về vấn đề ngày. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền là phù hợp.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông P có trách nhiệm liên đới cùng bị đơn trả nợ cho nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy, ông P ký hợp đồng, ký các chứng từ với nguyên đơn theo giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Đồng thời, đại diện bị đơn cũng xác nhận bị đơn và nguyên đơn có ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 10/HĐKT-2015 ngày 01/12/2015. Ngày 02/01/2018, ông P với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận M ký hợp đồng nguyên tắc vận chuyển hàng hóa số 02/HĐKT-2018, nguyên đơn cho rằng giữa bị đơn, ông P, ông Ph thỏa thuận ông P đứng ra khai thác xe của ông Ph để trả khoản nợ của bị đơn cho nguyên đơn. Tuy nhiên, nội dung hợp đồng này không có điều khoản nào thể hiện cá nhân ông P hay Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận M nhận trách nhiệm trả khoản nợ của bị đơn như trình bày của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Về số tiền nguyên đơn yêu cầu thanh toán: Theo phía nguyên đơn trình bày thì tổng cước vận chuyển 5 tháng phía bị đơn còn thiếu nguyên đơn là 262.656.900đồng và nguyên đơn đã xuất cho bị đơn các hóa đơn số 402 ngày 31/5/2016 với số tiền 88.924.900đồng, hóa đơn số 415 ngày 30/6/2016 với số tiền 87.747.000đồng và hóa đơn số 430 ngày 30/7/2016 với số tiền 24.035.000đồng, tiền cước tháng 8 và 9 là 61.950.000đồng chưa xuất hóa đơn do phía bị đơn đề nghị. Ngoài 3 hóa đơn đã xuất với tổng số tiền 200.706.900đồng, nguyên đơn không cung cấp được bảng đối chiếu công nợ giữa hai bên mà chỉ cung cấp được Bảng dự kiến trả nợ của bị đơn với dư nợ là 209.092.775đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cũng xác nhận số tiền là do nguyên đơn đã đồng ý giảm bớt một phần theo đề nghị của bị đơn để tạo điều kiện cho bị đơn nhanh chóng thanh toán tiền cho nguyên đơn. Do đó, số tiền 209.092.775đồng được coi là công nợ giữa hai bên.

Đối với số tiền 40.000.000đồng mà Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận M chuyển cho Công ty S, phía Công ty M đồng ý căn trừ vào số nợ của Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận H, phía Công ty Du lịch và Thương mại Sư tử Viễn Đông cũng thống nhất nên ghi nhận.

Tại bảng dự kiến trả nợ có chữ ký và dấu mộc của phía bị đơn với nội dung bị đơn đưa ra kế hoạch trả nợ cho nguyên đơn thể hiện dư nợ tính đến ngày 18/01/2017 là 209.092.775đồng. Nguyên đơn cũng thừa nhận sau đó Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận H chuyển trả được 15.000.000đồng vào ngày 27/11/2017, Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận M chuyển trả 2 lần vào các ngày 12/02/2018 và 13/4/2018 mỗi lần 20.000.000đồng. Như vậy, số nợ gốc chỉ còn lại 154.092.775đồng.

Về tiền lãi: Mặc dù trong hợp đồng các bên không thỏa thuận mức lãi suất chậm thanh toán nhưng theo tại Điều 306 Luật thương mại quy định "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao

dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Do bị đơn không thanh toán tiền đúng thời hạn đã thỏa thuận nên phải trả toàn bộ số tiền còn nợ và phải chịu tiền lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất là 15%/năm. Mức lãi này tương đương với lãi suất trung bình hiện đang áp dụng của 3 ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam). Yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Về thời điểm tính lãi: nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ khi nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn cũng thừa nhận mới xuất hóa đơn cho nguyên đơn vào ngày 31/5/2016, 30/6/2016, 30/7/2016 với tổng số tiền 200.706.900đồng, tháng 8 và 9 chưa xuất hóa đơn. Tại Điều II hợp đồng đã ký giữa các bên thỏa thuận "...Bên A thanh toán cho bên B bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn". Nguyên đơn cũng không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện thời điểm bị đơn nhận được hóa đơn. Như đã nhận định ở trên Bảng dự kiến trả nợ của bị đơn được coi như biên bản đối chiếu công nợ. Do đó, xác định thời điểm bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là ngày trả nợ đầu tiên (ngày 18/01/2017).

Cụ thể:

- Tiền lãi từ ngày 18/01/2017 đến ngày 27/11/2017 là:

$209.092.775\text{đồng} \times 15\%/năm \times (10\text{ tháng } 9\text{ ngày}) = 26.920.695\text{đồng}.$

- Tiền lãi từ ngày 28/11/2017 đến ngày 12/02/2018 là:

$(209.092.775\text{đồng} - 15.000.000\text{đồng}) \times 15\%/năm \times (2\text{ tháng } 15\text{ ngày}) = 6.065.399\text{đồng}.$

- Tiền lãi từ ngày 13/02/2018 đến ngày 13/4/2018 là:

$(209.092.775\text{đồng} - 15.000.000\text{đồng} - 20.000.000\text{đồng}) \times 15\%/năm \times (2\text{ tháng}) = 4.352.319\text{đồng}.$

- Tiền lãi từ ngày 14/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là:

$(209.092.775\text{đồng} - 15.000.000\text{đồng} - 20.000.000\text{đồng} - 20.000.000\text{đồng}) \times 15\%/năm \times (3\text{ năm } 10\text{ tháng } 14\text{ ngày}) = 89.502.220\text{đồng}.$

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 28/02/2022 là: 280.933.408đồng.

[3] Từ những nhận định trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tiền gốc chênh lệch được chấp nhận ($207.656.900\text{đồng} - 154.092.775\text{đồng} = 53.564.125\text{đồng}$), bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 306 Luật thương mại;
- Áp dụng Điều 530, Điều 533 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH Du lịch – Thương mại S:

Buộc Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận H có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Du lịch – Thương mại S số tiền 280.933.408 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu chín trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm linh tám đồng*), trong đó gồm nợ gốc là 154.092.775 đồng (*Một trăm năm mươi tư triệu không trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng*), nợ lãi tính đến ngày 28/02/2022 là 126.840.633 đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/3/2022 cho đến khi dứt nợ với mức lãi suất 15%/năm.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận H phải chịu 14.047.000 đồng (*Mười bốn triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) – Đã làm tròn số; Công ty TNHH Du lịch – Thương mại S phải chịu 2.678.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) – Đã làm tròn số, căn trừ vào 7.450.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001906 ngày 23/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ thì Công ty TNHH Du lịch – Thương mại S còn được nhận lại 4.772.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng*).

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND Q.N;
- CCTHADS Q.N;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Mai

